

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST  
Ngày 23-02-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Huyền.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Công Trường.
2. Ông Huỳnh Công Tạo.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 143/2021/TLST-HS ngày 24 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa ngày 13-01-2022; Thông báo mở lại phiên tòa số 02/2022/TB-TA ngày 27-01-2022 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Nhân Đ**, sinh ngày 10-4-1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: đường T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Hương S (đã chết); Mẹ: Chung Thị Kim L, sinh năm 1954; Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17-5-2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã Phú Mỹ (có mặt tại phiên tòa).

2/ **Trần Văn B**, sinh ngày 20-4-1995 tại tỉnh Đồng Nai; Hộ khẩu thường trú: Tổ A, ấp L, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Nghề nghiệp: Bảo vệ; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Trần Văn L, sinh năm 1969; Mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1970; Bị cáo có vợ là Vũ Thị M, sinh năm 1997 và 04 con (con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2021). Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 17-5-2021, chuyển tạm giam từ ngày 23-5-2021 đến ngày 27-01-2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn tạm giam cho bảo lãnh, hiện đang tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại: Công ty S.

Địa chỉ: Khu công nghiệp C, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Woo Sung A.

Ủy quyền tham gia tố tụng cho: Ông Kim In J - Trưởng phòng Tài chính Kế toán theo giấy uỷ quyền ngày 08-09-2021.

Ông Kim In J uỷ quyền lại cho bà Mai Trần Kim L, sinh năm 1991. Địa chỉ: Xô Viết Nghệ T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu Giấy uỷ quyền ngày 11-01-2022 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Lê Văn V, sinh năm 1976. Hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Nhân Đ và Trần Văn B là nhân viên bảo vệ của Công ty Cổ phần Cung ứng Dịch vụ Bảo vệ A. Đ và B được giao nhiệm vụ bảo vệ tại Dự án AA của Công ty S là nhà thầu thi công công trình cho Công ty H tại Khu công nghiệp C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Thấy việc quản lý vật tư trong công trường lỏng lẻo nên Đ rủ B trộm dây cáp điện đem bán lấy tiền tiêu xài, B đồng ý. Từ ngày 07-5-2021 đến ngày 12-5-2021, vào lúc nửa đêm, Đ và B đã nhiều lần đến bãi vật tư công trường dùng kìm cộng lực cắt cáp nhựa lõi đồng loại có ký hiệu CABLE0.6/1kv CU/XPLE/FR-PVC 2 x 95SQ thành từng khúc 30cm-40cm rồi bỏ vào ba lô của Đ đem cất giấu. Đến sáng hôm sau, Đ mang dây cáp đến gặp ông Lê Văn V tại khu phố T, phường P, thị xã P nói là hàng phế liệu dư thừa nên đem bán, ông V đồng ý mua, cùng Đ xác định tổng chiều dài toàn bộ số cáp là 90,7 mét; khối lượng vỏ nhựa là 1/3, khối lượng lõi đồng là 2/3; giá mua 185.000 đồng/kg lõi đồng. Ông V đã thanh toán giá trị 90,7 mét cáp cho Đ 21.000.000đ (hai một triệu đồng), Đ chia lại cho B 10.000.000đ, Đ giữ 11.000.000đ, cả hai đã tiêu xài hết số tiền trên. Sau khi phát hiện mất tài sản, đại diện Công ty S là ông Mai Tiến D đến Đồn Công an Khu công nghiệp Tân Thành trình báo và cung cấp USB chứa dữ liệu camera ghi hình tại công trường. Đến 09 giờ ngày 17-5-2021, Đ và B cũng đến Đồn Công an Khu công nghiệp đầu thú.

Quá trình điều tra, Đ và B đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên, chỉ dẫn hiện trường vụ án. Lời khai của các bị cáo phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, phù hợp lời khai của đại diện bị hại, người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Văn V về số lượng, đặc điểm, chủng loại tài sản trộm cắp cũng như giá cả mua bán.

Định giá tài sản: Theo Kết luận số 81/KL ngày 06-8-2021 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân dân thị xã Phú Mỹ xác định dây cáp điện ký hiệu CABLE0.6/1kv CU/XPLE/FR-PVC 2 x 95SQ tại thời điểm tháng 5-2021 có đơn giá 299.500 đồng/mét; tổng giá trị tài sản là 90,7 mét x 299.500 đồng = 27.164.650 đồng.

Xử lý vật chứng: Chiếc kìm cộng lực mà Đ và B dùng để cắt dây cáp điện, Đ khai đã vứt trên đường đi không xác định được địa điểm nên không thu hồi được. Đối với 90,7m dây cáp điện, do Lê Văn V sau khi mua đã bán cho người khác (không rõ lai lịch) nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại không yêu cầu bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 154/CT-VKS ngày 22 tháng 9 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ đã truy tố Nguyễn Nhân Đ và Trần Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Nhân Đ từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng tù. Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Trần Văn B từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng tù. Về xử lý vật chứng: Không. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Tại tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố và không có ý kiến gì về luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng xin được Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo:

[2.1] Về tội danh: Lời khai nhận tội tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của bị hại cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, từ đó đủ cơ sở xác định: Từ ngày 07 đến ngày 12-5-2021, tại Dự án AA của Công ty S thuộc Khu công nghiệp C, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Nguyễn Nhân Đ và Trần Văn B

có hành vi trộm cắp 90,7m dây cáp điện lõi đồng ký hiệu CABLE0.6/1kv CU/XPLE/FR-PVC 2 x 95SQ là tài sản của Công ty SGC Etec E&C có tổng trị giá 27.164.650 đồng. Do đó, hành vi của bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[2.2] Về khung hình phạt: Giá trị các tài sản bị cáo chiếm đoạt là 27.164.650đ (hai mươi bảy triệu, một trăm sáu mươi tư ngàn, sáu trăm năm mươi đồng), hành vi phạm tội của bị cáo thuộc Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

[3.1] Về tình tiết tăng nặng: Không.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện ra đầu thú; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về mức hình phạt: Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của tổ chức được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự xã hội tại địa phương. Vì vậy, đối với các bị cáo cần áp dụng hình phạt đủ nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội, cần thiết cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục riêng cũng như phòng ngừa tội phạm chung.

[5] Xét tính đồng phạm và vai trò của từng bị cáo, thấy:

Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý nhằm chiếm đoạt tài sản nhưng giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ khi thực hiện tội phạm nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Trong vụ án này bị cáo Đ có vai trò chính, là người khởi xướng, rủ rê bị cáo B thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đ cũng trực tiếp lấy trộm tài sản và đưa đi tiêu thụ. Bản thân bị cáo Đ là ca trưởng, hoàn toàn nhận thức được vai trò, nhiệm vụ cũng như hành vi của mình là vi phạm pháp luật, sẽ bị xử lý nghiêm nhưng vì tham lam nên vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, đối với bị cáo cần phải có mức hình phạt tù cao hơn bị cáo B mới tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Bị cáo B là người thực hành nên phải chịu trách nhiệm sau bị cáo Đ. Xét thấy, bị cáo B có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có bốn con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, được cha mẹ ruột có đơn xin bảo lãnh cho tại ngoại, bị cáo đã chấp hành biện pháp tạm giữ, tạm giam được 08 tháng 10 ngày nên đối với bị cáo chỉ cần áp dụng hình phạt tù bằng thời gian tạm giữ, tạm giam trên cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[6]. Về xử lý vật chứng: Không.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không xem xét.

[8] Đối với ông Lê Văn V: Thời điểm mua bán, ông V không biết tài sản là do bị cáo trộm mà có nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[9] Quá trình điều tra, bị hại khai báo có mất nhiều loại cáp trong khi thi công công trình nhưng chưa xác định được thời gian, đối tượng trộm cắp cụ thể, Cơ quan điều tra đang tiếp tục điều tra truy xét, khi nào đủ chứng cứ xử lý sau theo quy định.

[10]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Nguyễn Nhân Đ, Trần Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Nhân Đ 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 17 tháng 5 năm 2021).

2. Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Trần Văn B 08 (tám) tháng 10 (mười) ngày tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 17-5-2021).

3. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Công an thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Công an tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (PV06);
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

#### **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Bùi Thị Huyền**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ    THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**